

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2021
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Phương;
2. Ông Lý Vĩnh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Z - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HN ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1981; địa chỉ: số 420, khóm C, phường CP, thành phố X, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện nay: số 404, phường CP, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Đặng Sơn H, sinh năm 1976; địa chỉ: số 420, khóm C, phường CP, thành phố X, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện nay: thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn bà P và bị đơn ông H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2021 và lời khai cung cấp trong quá trình

giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc P trình bày:

Về hôn nhân: Bà P và ông H do mai mối nên quen biết, chung sống vào năm 2017, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 109/TPMT, quyển số 01/2007, ngày 20/6/2007.

Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông H ghen tuông vô cớ và có dùng vũ lực đối với bà P. Cuối năm 2020, bà P có làm đơn yêu cầu ly hôn ông H nhưng chưa gửi đến Tòa án là do muốn tạo cơ hội cho ông H sửa đổi, vợ chồng hàn gắn nhưng ông H vẫn không thay đổi. Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hòa hợp, không thể chung sống nên bà P yêu cầu ly hôn ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Trần Thái Q, sinh ngày 07/6/2008 và Đặng Trần Thanh Z, sinh ngày 06/12/2012, bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Sơn H trình bày: Ông và bà P có đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông H nợ nần, bà P không thông cảm nên dẫn đến vợ chồng thường cãi vã, đồng thời ông H cũng có ghen tuông và có đánh vợ vài cái. Nay bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông H không đồng ý là do vẫn còn thương vợ và lo cho tương lai của hai con, ngoài ra xin vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Về con chung: Ông H khai trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Trần Thái Q, sinh ngày 07/6/2008 và Đặng Trần Thanh Z, sinh ngày 06/12/2012, do mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đề cập vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Đặng Trần Thái Q và cháu Đặng Trần Thanh Z có cung cấp ý kiến: Cháu Z cho biết hiện nay do mẹ cháu đi làm ăn xa ở thành phố Hồ Chí Minh nên cháu sống cùng cha, cha cháu hiện làm nghề tài xế lái xe, việc mâu thuẫn giữa cha mẹ cháu là do quá trình chung sống, cha cháu ghen tuông và thỉnh thoảng có đánh mẹ cháu, nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ vì cha thường xuyên đi làm để cháu sống cùng dì, cháu là con gái thì mẹ dễ chăm sóc và nuôi dạy cháu tốt hơn. Đồng thời, cháu Q cho biết cháu đi học và sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2019 đến nay, trước đây cháu sống cùng dì nhưng hiện nay mẹ cháu đã lên sống cùng và chăm sóc cho cháu, cha cháu cũng thường xuyên hỏi thăm và gửi tiền cho cháu ăn học, do không sống cùng nên không biết nguyên nhân mâu thuẫn của cha mẹ, nhưng cháu có mong muốn cha mẹ sống đoàn tụ với nhau.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án có tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tại khóm C, phường CP, thành phố Châu được biết ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, trước đây vợ chồng P, H có cùng sống tại địa chỉ trên, tuy nhiên hiện nay đã không còn chung sống, bà P đi đâu và làm gì thì địa phương không rõ, ông H cũng thường xuyên đi và về. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Trần Thái Q, sinh ngày 07/6/2008 và Đặng Trần Thanh Z, sinh ngày 06/12/2012.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P vắng mặt, có yêu cầu không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

Hội đồng xét xử công bố lời khai của bà P, ông H, ý kiến cháu Q, cháu Z; biên bản xác minh khóm C, phường CP, thành phố X.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt được HĐXX chấp nhận tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

- *Về hôn nhân*: Giữa bà P và ông H có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Bà P cho biết quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông H ghen tuông vô cớ, cho rằng bà nhắn tin với người đàn ông khác nên có lời lẽ xúc phạm, đánh đập bà. Mặc dù đã tạo cơ hội nhưng ông H không sửa đổi, nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà cương quyết ly hôn ông H. Ông H không đồng

ý ly hôn vì còn thương vợ và nghĩ về tương lai của con, tuy nhiên ông cũng thừa nhận trong đời sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn.

Xét vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau, tuy nhiên giữa bà P và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù ông H mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay ông cũng không có phương án, biện pháp khắc phục, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy việc bà P có yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014.

- *Về con chung*: Bà P yêu cầu nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ hồ sơ thể hiện tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Đặng Trần Thanh Z có nguyện vọng được sống với mẹ vì cha thường xuyên đi làm phải gửi cháu cho dì, cháu là con gái thì mẹ dễ chăm sóc và nuôi dạy cháu tốt hơn, riêng cháu Đặng Trần Thái Q đã sinh sống và học tập tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2019 nhận thấy đã ổn định về nơi ở, về mặt kinh tế bà H cũng có việc làm thu nhập tương đối ổn định đủ điều kiện để chăm sóc con chung, hơn nữa cháu hòa cho biết ông bà cũng thường xuyên liên lạc và gửi tiền cho cháu ăn học. Xét thấy để hai chị em ở gần nhau vừa đảm bảo cuộc sống ổn định của hai cháu, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho hai cháu phát triển nên việc giao hai cháu Q, Z cho bà P nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố X. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà Trần Thị Ngọc P và ông Đặng Sơn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 109/TPMT, quyền số 01/2007, ngày 20/6/2007 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Vợ chồng có nghĩa vụ phải yêu thương, chăm sóc, tôn trọng, chung sống với nhau với nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng theo các bên trình bày trên, cho thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, không muốn hàn gắn tình cảm, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung, bà P xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Trần Thái Q, sinh ngày 07/6/2008 và Đặng Trần Thanh Z, sinh ngày 06/12/2012. Hiện nay cháu Q đang sống ổn định tại thành phố Hồ Chí Minh cùng bà P, cháu Z đang sống cùng ông H nhưng ông H thường xuyên đi làm xa phải gửi cháu cho di chăm sóc. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cũng như nguyện vọng của con, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xét giao hai con chung cho bà P nuôi dạy và chăm sóc. Bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Bà P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc P khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí:

Bà P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0004536 ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; bà P đã nộp đủ án phí.

Ông H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, và Điều 273

của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc P.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc P được ly hôn ông Đặng Sơn H.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc P được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Đặng Trần Thái Q, sinh ngày 07/6/2008 và Đặng Trần Thanh Z, sinh ngày 06/12/2012 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Đặng Sơn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Ngọc P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Đặng Sơn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc P phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số TU/2019/0004536 ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; bà P đã nộp đủ án phí.

Ông Đặng Sơn H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 109/TPMT, quyển số 01/2007, ngày 20/6/2007 của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên không còn giá trị pháp lý.

[5] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết bà Trần Thị Ngọc P, ông Đặng Sơn H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.X (1);
- Nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà